

Số: 59 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết
số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng
nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ các ý kiến góp ý của Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh và các thành viên tham dự tại cuộc họp ngày 07/6/2023 tại Sở Nông nghiệp và PTNT (theo Công văn số 28/HĐND-KTNS ngày 09/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh), Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung đầy đủ vào trong dự thảo Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Nghị quyết) như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Lý do và cơ sở pháp lý

a) Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết

Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; của Bộ Tài chính tại các Thông tư: số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Cơ sở pháp lý để xây dựng Nghị quyết

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
- Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
- Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.
- Công văn số 126/HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân công cơ quan trình dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Thông báo số 116/TB-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả Hội nghị liên tịch giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh để thống nhất nội dung, chương trình và thời gian công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ họp giữa năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

2. Tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND) về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

của tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 2071/UBND-KT ngày 19 tháng 7 năm 2019 để triển khai nội dung chính sách đến các ngành và các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ được phân công, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành nhiều Công văn, kế hoạch và tổ chức Hội nghị tập huấn để kịp thời triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân về phương thức đề xuất danh mục dự án/kế hoạch đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tham mưu hành lập Hội đồng thẩm định để tiến hành khảo sát thực tế và xem xét hồ sơ của các dự án liên kết theo chuỗi giá trị cấp tỉnh.

b) Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2019 đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định và phê duyệt 05 dự án (04 dự án hỗ trợ đối với cây Điều và 01 dự án hỗ trợ cây ăn trái) với tổng mức vốn hỗ trợ là 1,9 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn sự nghiệp của tỉnh, cụ thể như sau:

+ Năm 2020: Phê duyệt hỗ trợ 02 dự án, gồm: Hỗ trợ dự án liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ hạt Điều hữu cơ theo tiêu chuẩn hữu cơ Mỹ/EU của Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Đồng Xanh số vốn 601 triệu đồng; Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ hạt Điều hữu cơ theo tiêu chuẩn hữu cơ Mỹ/EU của Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Tâm số vốn 398 triệu đồng.

+ Năm 2022: Phê duyệt hỗ trợ 03 dự án, gồm: Hỗ trợ liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ Bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGAP của Hợp tác xã Bưởi da xanh Đa Kia với số vốn 300 triệu đồng; hỗ trợ liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ Điều của hợp tác xã nông nghiệp sạch Hòa Phú với số vốn 300 triệu đồng; hỗ trợ liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ Điều của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ nông nghiệp Như Hoàng với số vốn 300 triệu đồng.

Nhìn chung, các chính sách đã hỗ trợ các hợp tác xã, chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp về công tác khuyến nông, đào tạo, tập huấn và vật tư nông nghiệp, bao bì, nhãn mác sản phẩm... Bên cạnh kết quả thực hiện hỗ trợ của cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết và bước đầu đạt kết quả như sau:

+ UBND thị xã Chơn Thành: Đã triển khai thực hiện hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, máy bơm nước và các thiết bị cần thiết đầu vào cho phát triển sản xuất và liên kết chuỗi giá trị cho Hợp tác xã Minh Thắng và Hợp tác xã Nha Bích. Hỗ trợ Tổ hợp tác sản xuất Ôi Trân Châu xã Quang Minh tham gia Chương trình OCOP, hướng tới xây dựng sản phẩm đặc trưng của thị xã với nguồn kinh phí hỗ trợ là 370 triệu đồng.

+ UBND thị xã Phước Long: Hỗ trợ dự án liên kết sản xuất “Hỗ trợ phân bón chăm sóc Điều” cho xã Sơn Giang với nguồn kinh phí hỗ trợ 100 triệu đồng.

+ UBND thị xã Bình Long: Hỗ trợ gà giống và thức ăn cho xã Thanh Lương; hỗ trợ cấp giấy chứng nhận VietGAP cho Hợp tác xã dừa lười Thanh Phú; hỗ trợ cải tạo đàn dê, hỗ trợ thức ăn, giống, hội thảo, tổng kết, quy trình chuyển giao với nguồn kinh phí hỗ trợ là 665 triệu đồng.

- UBND huyện Phú Riềng: Hỗ trợ hệ thống tưới tiết kiệm cho các hộ dân thuộc một số hợp tác xã trên địa bàn huyện; hỗ trợ chăn nuôi bò, dê cho hộ dân, xây dựng phương án luân chuyển con giống sau ba năm với nguồn kinh phí hỗ trợ là 1.050 triệu đồng.

c) Đánh giá kết quả thực hiện

Nhìn chung, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND đã được các Sở, ngành, địa phương các cấp triển khai thực hiện theo đúng quy định và bước đầu đạt được kết quả nhất định. Từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn sự nghiệp của địa phương được phân bổ hàng năm đã hỗ trợ các hợp tác xã, chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp về công tác khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm..., qua đó, góp phần nâng cao chất lượng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

- Nội dung các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND được ban hành văn bản triển khai thực hiện, tuy nhiên, cách thức, nội dung triển khai các chính sách hỗ trợ đến người dân còn hạn chế, chưa sâu sát và thu hút sự đồng thuận tham gia của người dân (qua hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND chỉ có 02 năm: 2020 và 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; các năm còn lại không tiếp nhận được hồ sơ).

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND của Ủy ban nhân dân một số huyện, thị xã, thành phố chưa được chú trọng và không thể hiện được kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn (UBND các huyện: Hớn Quản, Đồng Phú, Lộc Ninh, Bù Đốp); thiếu quan tâm trong việc tổng hợp danh mục các dự án, kế hoạch để đề xuất đến cấp tỉnh hoặc phê duyệt thực hiện theo phân cấp.

- Công tác hướng dẫn các trình tự, thủ tục, hồ sơ đề xuất chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đến người dân còn hạn chế; số dự án, kế hoạch chưa đảm bảo về hồ sơ theo quy định phải điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện nhiều lần. Bên cạnh đó, các chủ dự án, kế hoạch không có kinh nghiệm trong xây dựng các văn bản theo Bộ thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ còn hạn chế như:

+ Một số nội dung chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-

HĐND chưa được thực hiện (hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết; hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết).

+ Số dự án, kế hoạch được hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh rất ít (05 dự án); các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất nông nghiệp có số vốn đầu tư là rất lớn song nguồn vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nội dung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND rất hạn chế (trung bình mỗi dự án được hỗ trợ hơn 300 triệu đồng).

+ Việc hỗ trợ nguồn vốn để các dự án, kế hoạch nông nghiệp đầu tư vật tư, bao bì và nhãn mác sản phẩm còn thấp, hiệu quả đầu tư chưa tương xứng với nội dung của các dự án, kế hoạch đã đề xuất.

+ Công tác hỗ trợ kết nối hình thành chuỗi liên kết vẫn còn gặp nhiều khó khăn do nhiều sản phẩm chế biến từ nông sản của tỉnh chưa bảo đảm các tiêu chuẩn về mẫu mã, giấy chứng nhận và chất lượng; các chuỗi liên kết chủ yếu tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; việc xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn, bao bì nhãn mác, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, việc hợp tác, liên kết, kiểm soát chất lượng sản phẩm còn nhiều bất cập.

- Công tác theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa thường xuyên; thiếu hướng dẫn đến chủ dự án, kế hoạch trong việc thực hiện các trình tự giải ngân nguồn vốn được hỗ trợ nên còn tình trạng khó khăn và vướng mắc trong giải ngân nguồn vốn.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích

- Đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả và đồng bộ của chính sách trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết về trình tự, thủ tục phải đảm bảo theo các nội dung được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đồng bộ trong việc triển khai chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa tỉnh Bình Phước từ các nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh, địa phương và Nhân dân.

III. Quá trình xây dựng và tổng hợp, tiếp thu ý kiến cho dự thảo Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1354/UBND-TH ngày 24 ngày 4 tháng 2023 về phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023, trong đó, giao Sở Nông

ng nghiệp và PTNT chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập Tổ soạn thảo (tại Quyết định số 43/QĐ-SNN ngày 10/3/2023), giao nhiệm vụ cho các thành viên xây dựng dự thảo Nghị quyết, 2 lần có văn bản đề nghị các Sở, ban, ngành, địa phương góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Công văn số 834/SNN-VP ngày 19/4/2023 và Công văn số 906/SNN-VP ngày 27/4/2023), kết quả:

+ **Lần 1:** Đến ngày 28/4/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được 13 văn bản góp ý của các Sở, ngành, địa phương¹.

+ **Lần 2:** Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu toàn bộ các ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương, các ý kiến của các đơn vị chuyên môn của Sở và qua rà soát lại các nội dung có liên quan đến 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu và chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 12/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được 16 văn bản góp ý của các Sở, ngành, địa phương², trong đó, có 14 ý kiến thống nhất, 02 ý kiến góp ý. Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa và báo cáo giải trình tại Báo cáo số 126/BC-SNN ngày 15/5/2023.

Ngày 16/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Công văn số 1025/SNN-VP gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 19/5/2023, Sở nhận được Báo cáo số 148/BC-STP ngày 19/5/2023 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước và ngày 23/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Báo cáo số 147/BC-SNN-VP gửi Sở Tư pháp về việc báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Ngày 16/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Công văn số 1028/SNN-VP gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị lấy ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 18/5/2023, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 375/KH-MTTQ-BBT phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

¹ gồm các Sở, ngành, địa phương: Tư pháp; Tài chính; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Nội vụ; UBND các huyện, thị xã: Phước Long, Đồng Phú; Chơn Thành, Lộc Ninh) và các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT.

² gồm các Sở, ngành, địa phương: Tư Pháp; Xây dựng; Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Quản lý Khu kinh tế; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Đồng Phú, Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long, Chơn Thành, Phú Riềng.

Ngày 26/5/2023, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có Công văn số 2184/MTTQ-BTT về việc tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Báo cáo số 159/BC-SNN-VP ngày 29/5/2023 gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước tại Tờ trình số 126/TTr-SNN ngày 29/5/2023

- Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh và các thành viên tham dự cuộc họp ngày 07/6/2023 tại Sở Nông nghiệp và PTNT (theo Công văn số 28/HĐND-KTNS ngày 09/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

+ Ý kiến 1: Làm rõ lý do cần phải sửa đổi, bổ sung:

Giải trình:

Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất theo quy định của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Tài chính thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia và lồng ghép các nguồn lực thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND thì tỉnh đang thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2015-2020 và chỉ có Chương trình nông thôn mới có quy định về hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp, còn giai đoạn 2021-2025 thì cả 3 Chương trình Mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) đều quy định và hướng dẫn, triển khai nội dung có liên quan đến hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Ý kiến 2: Làm rõ các nội dung phải sửa đổi, bổ sung và sao lại lấy tỷ lệ như Trung ương mà không lấy tỷ lệ đặc thù của tỉnh.

Giải trình:

Theo quy định và thực tế thì đối với các tỉnh được Trung ương cấp ngân sách hay sử dụng ngân sách Trung ương thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án thì các quy định, tỷ lệ đối ứng, tối thiểu... của tỉnh theo quy định không thể cao hơn các quy định của Trung ương. Bên cạnh đó, Bình Phước do đặc thù các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia đang được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và toàn thể Nhân dân đặc biệt quan tâm. Do đó, việc tham mưu lấy tỷ lệ đối tượng tham gia tối thiểu 50% và ưu tiên nguồn lực, dự án thực hiện, việc lấy tỷ lệ có trên 70% thành viên tham gia thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo như trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp, đúng quy định và nhằm làm rõ, hỗ trợ, khuyến khích các đối tượng trên tham gia, thụ hưởng chính sách được nhiều hơn góp phần hoàn thành mục tiêu về nông thôn mới, dân tộc miền núi và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025 của tỉnh và cũng là điều kiện hỗ trợ

thấp nhất, và tối đa các đối tượng được ưu tiên tham gia thụ hưởng chính sách, dự án so với quy định của Trung ương và khuyến khích các chuỗi liên kết phát triển bền vững.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Ngoài phần căn cứ pháp lý, Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 5 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

- a) Tại Khoản 1, Điều 8: Từ “tại Điều 3” thành “tại Điều 7”.
- b) Tại Khoản 1, Điều 9: Từ “500 đồng triệu” thành “500 triệu đồng”.

2. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5, Điều 5 như sau:

a) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, kế hoạch mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Các nội dung hỗ trợ; lồng ghép nguồn vốn; lựa chọn dự án, kế hoạch; phương thức, mức hỗ trợ và thanh quyết toán sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị

định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia.

c) Ngoài các nội dung tự thỏa thuận giữa các bên tham gia liên kết, dự án liên kết phải có ít nhất một trong các nội dung sau:

- Thiết kế, cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.
- Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Góp vốn, tài sản, giá trị quyền sử dụng đất, công nghệ hay quy trình sản xuất.

Điều 2. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

V. Những vấn đề khác xin ý kiến: Không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; Báo cáo tổng hợp phản biện xã hội của BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh; Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH & Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TP;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-11_{13/6}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ ... KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn

ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

- a) Tại Khoản 1, Điều 8: Từ “tại Điều 3” thành “tại Điều 7”.
- b) Tại Khoản 1, Điều 9: Từ “500 đồng triệu” thành “500 triệu đồng”.

2. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5, Điều 5 như sau:

a) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, kế hoạch mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Các nội dung hỗ trợ; lồng ghép nguồn vốn; lựa chọn dự án, kế hoạch; phương thức, mức hỗ trợ và thanh quyết toán sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia.

c) Ngoài các nội dung tự thỏa thuận giữa các bên tham gia liên kết, dự án liên kết phải có ít nhất một trong các nội dung sau:

- Thiết kế, cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

- Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Góp vốn, tài sản, giá trị quyền sử dụng đất, công nghệ hay quy trình sản xuất.

Điều 2. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và VP. Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH và Báo BP;
- Trung tâm thông tin-Văn phòng UBND tỉnh;
- Website: www.binhphuoc.gov.vn
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: **2184**/MTTQ-BTT

Bình Phước, ngày **26** tháng 5 năm 2023

*V/v tổng hợp ý kiến phản biện
xã hội đối với dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh.*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “*quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*”; Kết luận số 1148-KL/TU ngày 13/01/2023 của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất với Chương trình giám sát và phản biện xã hội năm 2023 của Ủy ban MTTQVN tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 1028/SNN-VP, ngày 16/5/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc lấy ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “*Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước*” sau đây viết tắt là (Nghị quyết 07).

Ngày 18/5/2023, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 375/KH-MTTQ-BTT về việc tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “*Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước*” với hình thức tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, địa phương và cá nhân được mời tham gia phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết 07; Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã tổng hợp, cụ thể như sau:

1. Ý kiến phản biện xã hội chung:

1.1. Về cơ sở pháp lý của việc ban hành Nghị quyết.

Việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước phù hợp với các quy định tại Nghị

định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các văn bản hướng dẫn triển khai của tỉnh...; Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết này là phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại tỉnh Bình Phước.

1.2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Việc ban hành Nghị quyết nhằm đánh giá lại thực trạng trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước trong thời gian qua; đề ra các nhóm giải pháp để triển khai thực hiện chính sách trong thời gian tới phù hợp với thực tiễn và đặc thù của tỉnh, góp phần hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nói riêng của tỉnh và tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung ngày càng phát triển bền vững theo Nghị quyết đề ra.

1.3. Có ý kiến đề nghị xem xét lại Nội dung bổ sung điều chỉnh là không cần thiết.

Lý do: Nghị quyết số 07 được ban hành để triển khai thực hiện nhiệm vụ giao tại Khoản 2, Điều 17, Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 do đó cần bám sát nội dung và quy định cụ thể theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018, không nên áp dụng các quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 bởi vì Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 đã có không cần quy định thêm (Điều 7 đến Điều 12, Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 đã có quy định về “nội dung hỗ trợ; lồng ghép nguồn vốn; lựa chọn dự án, kế hoạch; mức hỗ trợ”). Bên cạnh đó, ngày 09 tháng 12 năm 2022, HĐND đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước trên cơ sở của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 do đó nếu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 07 theo hướng áp dụng Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 sẽ dẫn đến chồng chéo và không cần thiết phải sửa đổi bổ sung.

1.3. Về bố cục trình bày của dự thảo Nghị quyết:

Theo quy định tại khoản 1, điều 62, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về bố cục của văn bản. Theo đó, tùy theo nội dung, văn bản có thể bố cục văn bản quy phạm pháp luật

theo 05 hướng, bao gồm các phần thứ tự lần lượt là: phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh bố cục của dự thảo Nghị quyết đúng hướng dẫn xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Ý kiến phản biện xã hội cụ thể:

2.1. Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: “*Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa*” nhằm đảm bảo căn cứ pháp lý của Nghị quyết; vì theo quy định tại Điều 1, dự thảo Nghị quyết quy định: Sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 5 điều 5 của Dự thảo Nghị quyết có đề cập đến: “*Thiết kế, cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung*”. Khi các Tổ chức, cá nhân và Hộ gia đình thực hiện quy định này của Nghị quyết thì sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Đất đai năm 2013 và trực tiếp là Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

2.2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung của Dự thảo Nghị quyết tại khoản 5, điều 5 Nghị quyết 07 là chưa phù hợp.

Lý do, tại Điều 5, Nghị quyết 07 là quy định về *Dự án liên kết*, tuy nhiên tại khoản a, b của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 07 lại bổ sung nội dung quy định về “*điều kiện hỗ trợ; nội dung hỗ trợ; lồng ghép nguồn vốn; lựa chọn dự án, kế hoạch; phương thức, mức hỗ trợ*”.

Đề xuất: Nếu vẫn ban hành Nghị Quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết 07 thì cần bổ sung quy định thêm 1 điều khoản riêng.

2.3. Tại ý 3, điểm a thuộc điều 1 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “*đồng bào*” vào trước cụm từ “*dân tộc thiểu số*” nhằm đảm bảo rõ ngữ nghĩa của văn bản. Cụ thể “Đảm bảo tỷ lệ..... hộ *đồng bào* dân tộc thiểu số.....”.

2.4. Tại điều 3, dự thảo Nghị quyết quy định về tổ chức thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ hoặc sửa đổi cụm từ “*các vị*”, vì văn bản quy phạm pháp luật không nên diễn đạt bằng văn nói và dùng từ để bảo đảm tính thống nhất, phổ thông trong ngôn ngữ văn bản pháp luật.

3. Về đề xuất nghiên cứu sửa đổi thêm một số nội dung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Sửa đổi ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết*).

3.1. Căn cứ khoản 2, điều 8, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định trực tiếp nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, có rất nhiều nội dung “*quy định lại*” các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cụ thể quy định: Điều 2. Giải thích từ ngữ; Điều 3. Các hình thức liên kết; Điều 4. Hợp đồng liên kết; Điều 5. Dự án liên kết...

Nhằm đảm bảo tính pháp lý và tránh vi phạm trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc sửa đổi các điều trên của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh theo hướng viện dẫn theo văn bản quy phạm pháp luật đã được quy định, hướng dẫn.

3.2. Đề nghị xem xét sửa đổi điểm đ, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND quy định về đối tượng áp dụng, “*Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố*”, nếu viết như vậy là chưa đầy đủ và phù hợp với Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, vì theo quy định còn có trách nhiệm của UBND cấp xã và các tổ chức chính trị xã hội các cấp. Vì vậy đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng tại điểm này. Có thể viết lại như sau: “*Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này*” cho đầy đủ và phù hợp hơn.

3.3. Tại nội dung Khoản 1, Điều 8, Nghị quyết 07 quy định “... hạ tầng phục vụ liên kết tại Điều 3 ...” là chưa phù hợp.

Lý do, Điều 3 quy định các hình thức liên kết, trong khi Điều 7 quy định về hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất. Đề nghị xem xét đề điều chỉnh cho phù hợp.

3.4. Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại câu từ tại Khoản 1, Điều 9, Nghị quyết 07 ghi “500 *đồng triệu*” là chưa phù hợp. Đề nghị xem xét sửa lại thành “500 triệu đồng”.

3.5. Đề nghị xem xét sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết 07 được đặt Tại Điều 1 là không phù hợp với nội dung các điều khoản khác và tiêu đề của Điều 1. Cần đặt tại một điều riêng cho phù hợp với luật ban hành văn bản pháp luật và áp dụng pháp luật.

Trên đây là tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước”; đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản tiếp thu giải trình gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và thành phần tham gia phản biện xã hội theo đúng quy định (chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày và có giải trình cụ thể).

Nơi nhận: *ML*

- BTT.UBTWMTTQVN;
- Ban DCPL + Ban CTPN (MTTW);
- TT Tỉnh ủy; TT. HĐND; UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Như kính gửi;
- Thành phần tham gia PBXH;
- LĐVP, LV. DCPL, KT (MTTQVN tỉnh);
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

CHỦ TỊCH



Lê Thị Xuân Trang

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Ngày 19/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Báo cáo số 148/BC-STP ngày 19/5/2023 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

Qua nghiên cứu nội dung thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định như sau:

1. Về cơ bản đồng ý, thống nhất và tiếp thu đầy đủ các ý kiến, nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.

2. Tiếp thu, giải trình từng nội dung, ý kiến tại báo cáo thẩm định như sau:

TT	Nội dung, ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu	Giải trình
I	Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa dự thảo Tờ trình tham mưu UBND tỉnh
II	Nội dung thẩm định		
1	Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa dự thảo Tờ trình UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật	Tiếp thu một phần.	- Qua rà soát và kết quả 03 năm triển khai thực hiện thì việc quy định chi tiết, cụ thể tại nội dung Nghị quyết sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc các chủ thể, các địa phương tham gia thuận lợi trong việc áp dụng và tuân thủ thực hiện.
-	Nội dung quy định tại điểm a Điều 1 dự thảo là quy định lại các nội dung quy định tại	Tiếp thu	- Qua 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết và kết quả rà soát quá trình thực hiện Nghị quyết tại các Sở, ngành và các

	khoản 5 Điều 20, điểm a, b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		địa phương thì các chủ đầu tư, chủ thể tham gia thực hiện dự án/kế hoạch rất lung tung, hiểu khác nhau trong việc xác định điều kiện hỗ trợ do có nhiều loại nguồn vốn thực hiện (<i>Vốn nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, sự nghiệp của tỉnh, huyện, xã...</i>) do đó tại Nghị quyết sửa đổi, bổ sung này chúng ta quy định rõ và áp dụng cho tất cả các nguồn vốn đều áp dụng điều kiện hỗ trợ giống nhau trên địa bàn tỉnh.
	Tại dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong đó có một khoản quy định về các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Tiếp thu	Tại khoản 5 Điều 2 Nội dung và mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước dự kiến cũng thông qua tại kỳ họp này quy định “5. <i>Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.</i>”. Có nghĩa là đối với nội dung Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước sẽ thực hiện theo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh này.
3	Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao	Tiếp thu	

	cho HĐND quy định chi tiết.		
4	Các ý kiến về hình thức, thể thức văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Tiếp thu	Đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Tờ trình tham mưu UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp cho dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp
- GD Sở, các PGD Sở;
- Lưu: VT, BP.PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thường
Hoàng Mạnh Thường

Số: 148 /BC-STP

Bình Phước, ngày 19 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1025/SNN-VP ngày 16/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước. Qua xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 1025/SNN-VP ngày 16/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước cơ bản đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Tuy nhiên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại dự thảo Tờ trình tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua cho phù hợp theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp giữa năm 2023 tại Công văn số 126/HĐND ngày 24/4/2023 và Thông báo số 116/TB-HĐND ngày 13/4/2023 của Thường trực HĐND tỉnh.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết này là Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, do đó không quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo mà phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Đề dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa, giải trình nội dung sau:

Nội dung quy định tại điểm a Điều 1 dự thảo là quy định lại các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 20, điểm a, b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị

quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong đó có một khoản quy định về chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại các nội dung của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua cho phù hợp.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước là phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp, cụ thể như sau:

a) Tại phần tên gọi của dự thảo đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho phù hợp, cụ thể:

“Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước”

b) Tại phần căn cứ pháp lý:

- Đề nghị chuyển căn cứ pháp lý thứ 3 lên sau căn cứ pháp lý thứ nhất cho phù hợp;

- Tại căn cứ pháp lý thứ 11 đề nghị bỏ cụm từ “về việc” trước cụm từ “quy định” cho đúng với tên gọi của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Tại Điều 1 dự thảo đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho phù hợp theo góp ý tại điểm a mục này, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước

“5. ...”

d) Tại Điều 2 dự thảo đề nghị bổ sung thêm cụm từ “bổ sung” sau cụm từ “sửa đổi” cho phù hợp vì dự thảo Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Tại phần nơi nhận đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại cụm từ “TT Thông tin” cho phù hợp vì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông đã chuyển chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực Công báo từ Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Phục vụ hành chính công trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

e) Đề nghị định lề trang văn bản cho phù hợp theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

III. Kết luận

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT;
- Giám đốc (b/c);
- PGĐ Nguyễn Trọng Trí;
- Lưu: VT, PC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Trí

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội của
Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

Ngày 29/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 2184/MTTQ-BTT ngày 26/5/2023 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh về việc tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Qua nghiên cứu nội dung phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tiếp thu và giải trình các ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Về cơ bản thống nhất và tiếp thu đầy đủ các ý kiến phản biện xã hội cho nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước tại Công văn số 2184/MTTQ-BTT ngày 26/5/2023 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT giải trình từng nội dung, ý kiến cụ thể như sau:

TT	Nội dung, ý kiến phản biện xã hội	Ý kiến tiếp thu/tiếp thu	Giải trình
1	Ý kiến phản biện xã hội chung		
1.1	Về cơ sở pháp lý của việc ban hành Nghị quyết. “Việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách	Tiếp thu	Đã tiếp thu ý kiến

	khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các văn bản hướng dẫn triển khai của tỉnh...; Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết này là phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại tỉnh Bình Phước.”		
1.2	Sự cần thiết ban hành Nghị quyết. “Việc ban hành Nghị quyết nhằm đánh giá lại thực trạng trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước trong thời gian qua; đề ra các nhóm giải pháp để triển khai thực hiện chính sách trong thời gian tới phù hợp với thực tiễn và đặc thù của tỉnh, góp phần hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nói riêng của tỉnh và tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung ngày càng phát triển bền vững theo Nghị quyết đề ra.”	Tiếp thu	Đã tiếp thu ý kiến
1.3	Có ý kiến đề nghị xem xét lại Nội dung bổ sung điều chỉnh là không cần thiết. “Lý do: Nghị quyết số được ban hành để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Khoản 2, Điều 17, Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 do đó cần bám sát nội dung và quy định cụ thể theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/ 2018, không nên áp dụng các quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 bởi vì Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 đã có không cần quy định thêm (Điều 7 đến Điều 12, Nghị định 98/2018/ NĐ-CP ngày 05/7/2018 đã có quy định về “nội dung hỗ trợ, lồng ghép nguồn vốn; lựa chọn dự án, kế hoạch; mức hỗ trợ”). Bên cạnh đó, ngày 09/12/2022, HĐND đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/HĐND ban	Giải trình	- Đối với Khoản 2, Điều 17 Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/ 2018 “<i>Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn</i>”. - Đối với khoản 1,3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ cũng quy định các nội dung liên quan đến các dự án/kế hoạch liên kết quy định về: (1) <i>Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị</i>; (3) <i>Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết</i> ... Do đó, việc thống nhất, đồng bộ, cụ thể hóa trong Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của HĐND tỉnh lần này là cần thiết và thống nhất các

	hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước trên cơ sở của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 do đó nếu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 07 theo hướng áp dụng Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 sẽ dẫn đến chồng chéo và không cần thiết phải sửa đổi bổ sung.”		nội dung, điều kiện hỗ trợ, định mức hỗ trợ... thuộc các dự án/kế hoạch liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp sử dụng mọi nguồn vốn đều phải thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và đúng quy định, thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, ngày 09/12/2022, HĐND đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/HĐND ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trong đó tại các khoản 1, 2,3 Điều 3 đối với các quy định có liên quan đến nông nghiệp cũng và đều đối chiếu theo quy định của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2023 của HĐND tỉnh như vậy là đồng bộ và bổ trợ nhau chứ không chồng chéo.
1.4	Về bố cục trình bày của dự thảo Nghị quyết	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh và giải trình tại Báo cáo 147/BC-SNN-VP ngày 23/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.
2	Ý kiến phản biện xã hội cụ thể		
2.1	Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: “căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa” nhằm đảm bảo căn cứ pháp lý của Nghị quyết; vì theo quy định tại Điều 1, dự thảo Nghị quyết quy định: Sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 5, Điều 5 của dự thảo Nghị quyết có đề cập đến: “thiết kế cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung”. Khi các Tổ chức, cá nhân và hộ gia đình thực	Giải trình	Đối với nội dung tại mục c khoản 5 điều 5 dự thảo Nghị quyết “....thiết kế, cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung” có nghĩa là trong dự án liên kết phải có ít nhất một trong các nội dung đó chứ không phải nội dung đề dự án hỗ trợ. Do đó việc bổ sung thêm nội dung căn cứ pháp lý là không cần thiết.

	hiện quy định này của Nghị quyết thì sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Đất đai năm 2013 và trực tiếp là Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/ 2019 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa		
2.2	Nội dung điều chỉnh, bổ sung dự thảo Nghị quyết tại Khoản 5, Điều 5 Nghị quyết 07 chưa phù hợp. Lý do: tại Điều 5 Nghị quyết 07 là quy định về Dự án liên kết, tuy nhiên tại khoản a,b của dự thảo Nghị quyết sửa đổi bổ sung, bổ sung Nghị quyết 07 lại bổ sung nội dung quy định về “ điều kiện hỗ trợ, lồng ghép nguồn vốn; lựa chọn dự án, kế hoạch, phương thức, mức hỗ trợ”. Đề xuất: Nếu vẫn ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết 07 thì cần bổ sung thêm 1 điều khoản riêng.	Giải trình	Vì qua kết quả triển khai thực tiễn trong 03 năm qua. Các chủ trì dự án. Các chủ thể tham gia và các chủ đầu tư gặp nhiều khó khăn trong việc lập dự án; các điều kiện hỗ trợ từ mỗi nguồn vốn khác nhau thì lại có các nội dung khác nhau dẫn đến việc thực hiện gặp khó khăn. Do đó, việc cụ thể hóa các nội dung này là cần thiết và đồng bộ cho các chủ thể tham gia thực hiện dự án/kế hoạch thực hiện đúng quy định, đồng bộ.
2.3	Tại ý 3, điểm a thuộc điều 1 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “đồng bào” vào trước cụm từ “dân tộc thiểu số” nhằm đảm bảo rõ ngữ nghĩa của văn bản. Cụ thể “Đảm bảo tỷ lệ.....hộ đồng bào dân tộc thiểu số...”	Giải trình	Việc bổ sung cụm từ “đồng bào” vào trước cụm từ “dân tộc thiểu số” nhằm đảm bảo rõ ngữ nghĩa của văn bản là không cần thiết vì cụm từ “dân tộc thiểu số” đã rõ nghĩa.
2.4	Tại điều 3, dự thảo Nghị quyết quy định về tổ chức thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ hoặc sửa đổi cụm từ “các vị”, vì văn bản quy phạm pháp luật không nên diễn đạt văn nói và dùng từ để đảm bảo tính thống nhất, phổ thông trong ngôn ngữ văn bản pháp luật.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa theo góp ý
3	Về đề xuất nghiên cứu sửa đổi thêm một số nội dung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sửa đổi ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết).	Giải trình	
3.1	Căn cứ khoản 2, điều 8, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định : “văn bản quy phạm pháp luật phải quy định trực tiếp nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”. Tuy nhiên, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ	Giải trình	Đây là Nghị quyết cụ thể hóa nên cần rõ ràng, bên cạnh đó trong 3 năm thực hiện thì các nội dung này vẫn đúng và giúp cho các doanh nghiệp, hợp tác xã hiểu rõ và thực hiện đúng theo quy định.

	trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, có rất nhiều nội dung <i>“quy định lại”</i> các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cụ thể quy định: Điều 2. Giải thích từ ngữ; Điều 3. Các hình thức liên kết; Điều 4. Hợp đồng liên kết; Điều 5. Dự án liên kết... Nhằm đảm bảo tính pháp lý và tránh vi phạm trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc sửa đổi các điều trên của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh theo hướng viện dẫn theo văn bản quy phạm pháp luật đã được quy định, hướng dẫn.		
3.2	Đề nghị xem xét sửa đổi điểm đ, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND quy định về đối tượng áp dụng, <i>“Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố”</i>, nếu viết như vậy là chưa đầy đủ và phù hợp với Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, vì theo quy định còn có trách nhiệm của UBND cấp xã và các tổ chức chính trị xã hội các cấp. Vì vậy đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng tại điểm này. Có thể viết lại như sau: <i>“Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này”</i> cho đầy đủ và phù hợp hơn.	Giải trình	Tại điểm đ, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND quy định về đối tượng áp dụng, <i>“Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố”</i> đây là các chủ đầu tư dự án/kế hoạch, còn các UBND cấp xã và các tổ chức chính trị xã hội các cấp là các đơn vị có liên quan nên việc chỉnh sửa nội dung này là không phù hợp.
3.3	Tại nội dung Khoản 1, Điều 8, Nghị quyết 07 quy định <i>“... hạ tầng phục vụ liên kết tại Điều 3 ...”</i> là chưa phù hợp. Lý do, Điều 3 quy định các hình thức liên kết, trong khi Điều 7 quy định về hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất. Đề nghị xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.	Tiếp thu	Đã tiếp thu và chỉnh sửa cho phù hợp

3.4	Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại câu từ tại Khoản 1, Điều 9, Nghị quyết 07 ghi “500 đồng triệu ” là chưa phù hợp. Đề nghị xem xét sửa lại thành “500 triệu đồng”.	Tiếp thu	Đã tiếp thu và chỉnh sửa cho phù hợp
3.5	Đề nghị xem xét sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết 07 được đặt Tại Điều 1 là không phù hợp với nội dung các điều khoản khác và tiêu đề của Điều 1. Cần đặt tại một điều riêng cho phù hợp với luật ban hành văn bản pháp luật và áp dụng pháp luật.	Giải trình	Việc quy định riêng một Điều cho nội dung này là không cần thiết vì như vậy gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết và hướng dẫn thực hiện.

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước./.

(Kèm theo dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã chỉnh sửa, bổ sung ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh)

Nơi nhận:

- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- TT.HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND tỉnh;
- GĐ Sở, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, BP.PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Mạnh Thường